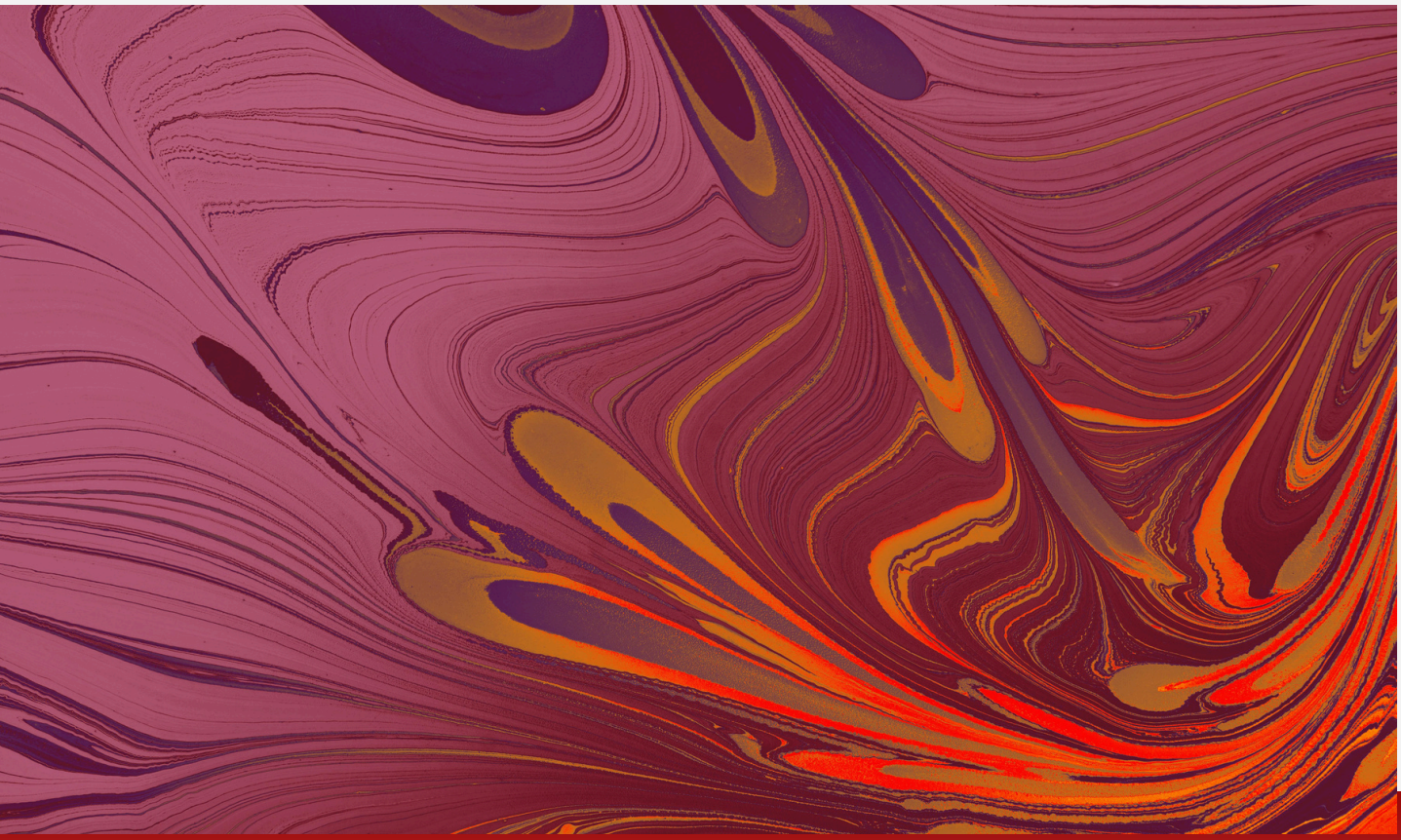





TRÌNH TỰ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI VỀ LAO ĐỘNG VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP LAO ĐỘNG



-  **Trụ Sở:** Phòng 7.01, Tòa nhà Transimex, 172 Hai Bà Trưng, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh.
-  **Chi nhánh:** 330 Nguyễn Văn Trỗi, Phường Phú Lợi, Thành phố Hồ Chí Minh.
-  **Văn phòng Giao Dịch:** 101/20 Đường 11, Phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

 info@cdlaf.vn
 +84 (28) 3636 5486
 cdlaf.vn



/cdlaflawfirm

TRÌNH TỰ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI VỀ LAO ĐỘNG VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP LAO ĐỘNG

1. KHIẾU NẠI VỀ LAO ĐỘNG

1.1. Khiếu nại lần đầu

Khi có căn cứ cho rằng quyết định, hành vi của người sử dụng lao động (“**NSDLĐ**”) là trái pháp luật, xâm phạm trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của mình thì người lao động (“**NLĐ**”) có thể thực hiện khiếu nại lần đầu đến NSDLĐ, hoặc khởi kiện tại tòa án. [Khoản 1 Điều 5 [Nghị định 24/2018/NĐ-CP](#)]

a. Thời hiệu khiếu nại

Thời hiệu khiếu nại lần đầu là 180 ngày, kể từ ngày NLĐ nhận được hoặc biết được quyết định, hành vi của NSDLĐ.

Trường hợp người khiếu nại không thực hiện được quyền khiếu nại theo đúng thời hiệu quy định tại khoản 1 Điều này vì ốm đau, thiên tai, địch họa, đi công tác, học tập ở nơi xa hoặc vì những trở ngại khách quan khác thì thời gian trở ngại đó không tính vào thời hiệu khiếu nại.

b. Trình tự khiếu nại lần đầu

Trình tự khiếu nại lần đầu như sau:

(i) Thụ lý giải quyết khiếu nại

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được khiếu nại, NSDLĐ phải thụ lý giải quyết và thông báo bằng văn bản về việc thụ lý giải quyết khiếu nại cho NLĐ và Chánh Thanh tra Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi NSDLĐ đặt trụ sở chính. [Khoản 1 Điều 19 [Nghị định 24/2018/NĐ-CP](#)]

Trường hợp khiếu nại về điều tra tai nạn lao động, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại, cơ quan lập Đoàn Điều tra tai nạn lao động có trách nhiệm xem xét giải quyết khiếu nại, tố cáo theo đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền được quy định tại Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo. [Khoản 1 Điều 19 [Nghị định 24/2018/NĐ-CP](#)]

(ii) Thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu

Thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 30 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý.

Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn thì thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý. [Điều 20 [Nghị định 24/2018/NĐ-CP](#)]

(iii) Kiểm tra, xác minh nội dung khiếu nại

Trong thời hạn giải quyết khiếu nại, NSDLĐ giao cho bộ phận chuyên môn tiến hành kiểm tra, xác minh nội dung khiếu nại và lập báo cáo kết quả kiểm tra, xác minh. [Điều 21 [Nghị định 24/2018/NĐ-CP](#)]

(iv) Tổ chức đối thoại lần đầu

Trong quá trình giải quyết khiếu nại, nếu thấy cần thiết, NSDLĐ phải gặp gỡ, đối thoại với NLD. Việc đối thoại phải lập thành biên bản, biên bản phải ghi rõ ý kiến của những người tham gia, kết quả đối thoại, có chữ ký hoặc điểm chỉ của người tham gia; biên bản đối thoại được lưu vào hồ sơ giải quyết khiếu nại. [Điều 22 [Nghị định 24/2018/NĐ-CP](#)]

(v) Ra quyết định giải quyết khiếu nại

NSDLĐ khi giải quyết khiếu nại phải ra quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu, quyết định đảm bảo các nội dung theo quy định pháp luật. [Điều 23 [Nghị định 24/2018/NĐ-CP](#)]

(vi) Gửi quyết định giải quyết

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định giải quyết khiếu nại, NSDLĐ phải gửi quyết định giải quyết khiếu nại cho người khiếu nại, Chánh Thanh tra Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, nơi người sử dụng lao động bị khiếu nại đặt trụ sở chính và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

1.2. Khiếu nại lần hai

Trường hợp NLD không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu hoặc quá thời hạn giải quyết khiếu nại mà khiếu nại không được giải quyết thì NLD có quyền khởi kiện tại tòa án hoặc thực hiện việc khiếu nại lần hai với Chánh Thanh tra Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, nơi NSDLĐ đặt trụ sở chính. [Khoản 2 Điều 5, Khoản 2 Điều 15 [Nghị định 24/2018/NĐ-CP](#)]

Tuy nhiên, theo hướng dẫn tại Công văn 8239/BNV-VP ngày 19/09/2025 của Bộ Nội Vụ, cơ quan sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước không còn tổ chức

thanh tra thì thẩm quyền này được chuyển sang cho Giám đốc Sở, và Giám đốc sẽ giao đơn vị trực thuộc thực hiện việc tiếp công dân và giải quyết khiếu nại về lao động.

a. Thời hạn thực hiện việc khiếu nại lần hai

NLĐ thực hiện việc khiếu nại lần hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hết thời hạn giải quyết khiếu nại quy định hoặc kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu mà người khiếu nại không đồng ý; đối với vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn thì thời hạn có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày

b. Trình tự khiếu nại lần hai

Trình tự giải quyết khiếu nại lần hai như sau:

(i) Thụ lý giải quyết khiếu nại lần hai

Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền giải quyết của mình, người giải quyết khiếu nại lần hai phải thụ lý giải quyết và thông báo bằng văn bản về việc thụ lý giải quyết khiếu nại cho người khiếu nại.

Trường hợp khiếu nại do cơ quan, tổ chức, cá nhân khác chuyển đến, ngoài việc thông báo cho người khiếu nại, người giải quyết khiếu nại lần hai phải thông báo bằng văn bản về việc thụ lý giải quyết khiếu nại cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đã chuyển khiếu nại đến.

(ii) Thời hạn giải quyết khiếu nại lần hai

Thời hạn giải quyết khiếu nại lần hai không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết khiếu nại không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý.

Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn thì thời hạn giải quyết khiếu nại không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết khiếu nại không quá 90 ngày, kể từ ngày thụ lý.

(iii) Kiểm tra, xác minh nội dung khiếu nại

Trong thời hạn giải quyết khiếu nại, người giải quyết khiếu nại tự mình hoặc giao cho bộ phận chuyên môn tiến hành kiểm tra, xác minh nội dung khiếu nại và lập báo cáo kết quả kiểm tra, xác minh.

(iv) Tổ chức đối thoại lần hai

Trong quá trình giải quyết khiếu nại, nếu thấy cần thiết, người giải quyết khiếu nại tổ chức đối thoại giữa người khiếu nại, người bị khiếu nại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan. [Điều 30 [Nghị định 24/2018/NĐ-CP](#)]

(v) Ra quyết định giải quyết khiếu nại

Người giải quyết khiếu nại lần hai phải ra quyết định giải quyết khiếu nại, quyết định đảm bảo các nội dung theo quy định pháp luật. [Điều 31 [Nghị định 24/2018/NĐ-CP](#)]

(vi) Gửi quyết định giải quyết khiếu nại

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định giải quyết khiếu nại, người giải quyết khiếu nại lần hai phải gửi quyết định giải quyết khiếu nại cho người khiếu nại, người bị khiếu nại, người có quyền, nghĩa vụ liên quan, cơ quan, tổ chức, cá nhân chuyển khiếu nại đến.

Trường hợp NLD không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại lần hai hoặc quá thời hạn giải quyết khiếu nại mà khiếu nại không được giải quyết thì NLD có quyền khởi kiện tại tòa án. [Khoản 3 Điều 5, Khoản 2 Điều 15 [Nghị định 24/2018/NĐ-CP](#)]

2. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HÒA GIẢI TRANH CHẤP LAO ĐỘNG CÁ NHÂN CỦA HÒA GIẢI VIÊN LAO ĐỘNG

Tranh chấp lao động cá nhân phải được giải quyết thông qua thủ tục hòa giải của hòa giải viên lao động trước khi yêu cầu Hội đồng trọng tài lao động hoặc Tòa án giải quyết, trừ các tranh chấp lao động sau đây không bắt buộc gồm: xử lý kỷ luật sa thải/đơn phương chấm dứt hợp đồng; bồi thường, trợ cấp khi chấm dứt hợp đồng; tranh chấp với giúp việc gia đình; các vấn đề về bảo hiểm; bồi thường khi đi làm việc ở nước ngoài; và tranh chấp lao động thuê lại.

Hòa giải viên phải tổ chức hòa giải trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu; nếu các bên đạt được thỏa thuận thì lập biên bản hòa giải thành, nếu không thì lập biên bản hòa giải không thành. Biên bản phải có chữ ký của các bên tranh chấp và hòa giải viên lao động. Bản sao biên bản hòa giải thành hoặc hòa giải không thành phải được gửi cho các bên tranh chấp trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày lập biên bản

Trường hợp không bắt buộc phải qua thủ tục hòa giải hoặc trường hợp hết thời hạn hòa giải mà hòa giải viên lao động không tiến hành hòa giải, hoặc hòa giải không thành thì các bên tranh chấp có quyền yêu cầu Hội đồng trọng tài lao động hoặc Tòa án giải quyết tranh chấp.

3. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP LAO ĐỘNG CÁ NHÂN CỦA HỘI ĐỒNG TRỌNG TÀI LAO ĐỘNG

Các bên tranh chấp lao động cá nhân có thể đồng thuận yêu cầu Hội đồng trọng tài lao động giải quyết trong trường hợp không bắt buộc phải qua thủ tục hòa giải hoặc trường hợp hết thời hạn hòa giải mà hòa giải viên lao động không tiến hành hòa giải hoặc trường hợp hòa giải không thành. Khi đó các bên không được đồng thời yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp.

Ban trọng tài lao động phải được thành lập trong 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu giải quyết tranh chấp và ra quyết định giải quyết trong 30 ngày kể từ ngày ban trọng tài lao động được thành lập.

Trường hợp hết thời hạn nêu trên mà Ban trọng tài không thành lập, không ra quyết định đúng hạn hoặc một bên không thi hành quyết định, các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. TRÌNH TỰ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP LAO ĐỘNG TẠI TÒA ÁN

4.1. Giai đoạn sơ thẩm

Bước 1: Nộp hồ sơ khởi kiện

Người khởi kiện tiến hành nộp hồ sơ khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền.

Bước 2: Tòa án nhận và xử lý đơn khởi kiện

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn khởi kiện, Chánh án Tòa án sẽ phân công một Thẩm phán xem xét đơn khởi kiện. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày được phân công, Thẩm phán phải xem xét đơn khởi kiện và quyết định việc thụ lý vụ án.

Nếu xét thấy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án thì Thẩm phán ra thông báo nộp tiền tạm ứng án phí cho người khởi kiện trong trường hợp người khởi kiện phải nộp tiền tạm ứng án phí, trường hợp hồ sơ khởi kiện không hợp lệ thì Thẩm phán ra thông báo sửa đổi, bổ sung, hoặc trả lại đơn khởi kiện.

Bước 3: Nộp tiền tạm ứng án phí và biên lai thu tiền tạm ứng án phí

Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được giấy báo của Tòa án về việc nộp tiền tạm ứng án phí, người khởi kiện phải nộp tiền tạm ứng án phí và nộp cho Tòa án biên lai thu tiền tạm ứng án phí.

Bước 4: Thụ lý vụ án và chuẩn bị xét xử

(i) Thẩm phán thụ lý vụ án khi người khởi kiện nộp cho Tòa án biên lai thu tiền tạm ứng án phí.

(ii) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày thụ lý vụ án, Thẩm phán phải thông báo bằng văn bản cho nguyên đơn, bị đơn, cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết vụ án, cho Viện kiểm sát cùng cấp về việc Tòa án đã thụ lý vụ án.

(iii) Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán sẽ tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ, lấy lời khai của các bên liên quan, xác minh tình tiết vụ án (nếu cần thiết) và tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Đồng thời, Tòa án sẽ tiến hành hòa giải để các bên tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, trừ trường hợp vụ án không được hòa giải theo quy định pháp luật.

Thời hạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm: 02 tháng, kể từ ngày thụ lý vụ án. Đối với vụ án lao động có tính chất phức tạp hoặc do sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan thì Chánh án Tòa án có thể quyết định gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử nhưng không quá 01 tháng. [Điều 203, BLTTDS]

Bước 5: Mở phiên tòa xét xử sơ thẩm

Trường hợp hòa giải không thành hoặc vụ án không thuộc trường hợp được hòa giải theo quy định pháp luật, Thẩm phán sẽ ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm. Quyết định đưa vụ án ra xét xử phải được gửi cho đương sự và Viện kiểm sát cùng cấp trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định.

Trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án phải mở phiên tòa; trường hợp có lý do chính đáng thì thời hạn này là 02 tháng.

Sau khi kết thúc phiên tòa, Tòa án sẽ ban hành bản án sơ thẩm để giải quyết vụ án.

4.2. Giai đoạn phúc thẩm

Bước 1: Nộp đơn kháng cáo và kiểm tra tính hợp lệ của đơn kháng cáo

Trong thời hạn kháng cáo, các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm nếu không đồng ý với nội dung bản án.

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi

kiện đã tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt khi Tòa án tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày tuyên án.

Sau khi nhận được đơn kháng cáo, Tòa án cấp sơ thẩm phải kiểm tra tính hợp lệ của đơn kháng cáo. Trường hợp đơn kháng cáo quá hạn thì Tòa án cấp sơ thẩm yêu cầu người kháng cáo trình bày rõ lý do và xuất trình tài liệu, chứng cứ (nếu có) để chứng minh lý do nộp đơn kháng cáo quá hạn là chính đáng.

Bước 2: Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí

Sau khi chấp nhận đơn kháng cáo hợp lệ, Tòa án cấp sơ thẩm phải thông báo cho người kháng cáo biết để họ nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật, nếu họ không thuộc trường hợp được miễn hoặc không phải nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm.

Bước 3: Nộp tiền tạm ứng án phí và biên lai thu tiền tạm ứng án phí

Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của Tòa án về việc nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, người kháng cáo phải nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm và nộp cho Tòa án cấp sơ thẩm biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm.

Bước 4: Thông báo về việc kháng cáo

Sau khi chấp nhận đơn kháng cáo hợp lệ, Tòa án cấp sơ thẩm phải thông báo ngay bằng văn bản cho Viện kiểm sát cùng cấp và đương sự có liên quan đến kháng cáo biết về việc kháng cáo kèm theo bản sao đơn kháng cáo, tài liệu, chứng cứ bổ sung mà người kháng cáo gửi kèm đơn kháng cáo.

Đương sự có liên quan đến kháng cáo được thông báo về việc kháng cáo có quyền gửi văn bản nêu ý kiến của mình về nội dung kháng cáo cho Tòa án cấp phúc thẩm. Văn bản nêu ý kiến của họ được đưa vào hồ sơ vụ án.

Bước 5: Tòa án cấp sơ thẩm gửi hồ sơ vụ án và tài liệu có liên quan cho Tòa án cấp phúc thẩm

Tòa án cấp sơ thẩm phải gửi hồ sơ vụ án, đơn kháng cáo, quyết định kháng nghị và tài liệu, chứng cứ bổ sung kèm theo cho Tòa án cấp phúc thẩm trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, người kháng cáo đã nộp cho Tòa án cấp sơ thẩm biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm.

Trường hợp chưa hết thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự thì người đã kháng cáo có quyền thay đổi, bổ sung kháng cáo mà không bị giới hạn bởi phạm vi kháng cáo ban đầu.

Trước khi bắt đầu phiên tòa hoặc tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo có quyền thay đổi, bổ sung kháng cáo, Viện kiểm sát đã kháng nghị có quyền thay đổi, bổ sung kháng nghị, nhưng không được vượt quá phạm vi kháng cáo, kháng nghị ban đầu, nếu thời hạn kháng cáo, kháng nghị đã hết.

Bước 6: Chuẩn bị xét xử phúc thẩm

Ngay sau khi nhận được hồ sơ vụ án, kháng cáo, kháng nghị và tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án cấp phúc thẩm phải vào sổ thụ lý.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày thụ lý vụ án, Tòa án phải thông báo bằng văn bản cho các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện và Viện kiểm sát cùng cấp về việc Tòa án đã thụ lý vụ án và thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án (nếu có).

Trong thời hạn 02 tháng, kể từ ngày thụ lý vụ án, tùy từng trường hợp, Tòa án cấp phúc thẩm ra một trong các quyết định sau đây: (i) Tạm đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án; (ii) Đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án; (iii) Đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

Đối với vụ án có tính chất phức tạp hoặc do sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan thì Chánh án Tòa án cấp phúc thẩm có thể quyết định kéo dài thời hạn chuẩn bị xét xử, nhưng không được quá 01 tháng.

Bước 7: Mở phiên tòa xét xử phúc thẩm

Trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án phải mở phiên tòa phúc thẩm; trường hợp có lý do chính đáng thì thời hạn này là 02 tháng. [Điều 286, BLTTDS 2015]

HỆ SINH THÁI CỦA CDLAF



VĂN PHÒNG CHO THUÊ



TUÂN THỦ PHÁP LÝ
TRONG DOANH NGHIỆP



/cdlaflawfirm